DANH MỤC TÀI SẢN CÓ CTNH BÁN THANH LÝ ĐỢT 2-2024

STT	Mã VT/TSCĐ	Tên Vật tư/TSCĐ	Mã CTNH	ĐVT	Số lượng
	A	**VTTB có CTNH**			
	I	**QĐ số 4907/QĐ-ĐLPC ngày 10/05/2024**			
	1	**Kho: DLA_I5Q_Thanh Lý**			
1	5.25.70.001.000.01.D50	Phụ tùng ô tô thu hồi	15 01 06	Kg	12,5
2	3.61.03.002.VIE.00.D50	Bộ định tuyến dữ liệu Router	16 01 13	Cái	11,0
3	3.61.03.007.000.00.D50	Bộ tập trung DCU	16 01 13	Cái	53,0
4	3.64.64.007.000.00.D50	Bộ điều khiển tụ bù rego 7	16 01 13	Cái	2,0
5	4.94.60.001.000.21.D50	Máy đếm tiền	16 01 13	Cái	2,0
6	3.64.14.003.000.00.D50	Tụ bù hạ áp 10kvar	16 01 13	Cái	10,0
7	3.64.14.004.000.00.D50	Tụ bù hạ áp 15kvar	16 01 13	Cái	1,0
8	3.64.14.005.000.00.D50	Tụ bù hạ áp 20kvar	16 01 13	Cái	3,0
9	3.64.34.003.000.00.D50	Tụ bù trung áp 1 pha 100kvar	16 01 13	Tụ	2,0
10	5.16.46.012.CHN.00.D50	Bộ chuyển đổi nguồn 220VAC/220VDC -24VDC	16 01 13	Cái	1,0
11	8.75.80.001.000.04.D50	Đồng hồ đo nhiệt độ (MBA)	17 03 04	Cái	1,0
12	5.16.12.000.000.01.D50	Bình ắc quy các loại	16 01 12	Cái	25,0
13	5.16.12.002.000.00.D50	Bình ắc qui khô 12V 7,2Ah	16 01 12	Cái	2,0
14	5.16.12.004.000.00.D50	Bình ắc qui khô 12V 12Ah	16 01 12	Cái	4,0
15	5.16.12.016.000.00.D50	Bình ắc quy chì 12V 90Ah	16 01 12	Cái	1,0
16	5.16.12.028.000.00.D50	Bình ắc quy 12V 7,5Ah	16 01 12	Bình	8,0
17	5.16.12.037.000.00.D50	Bình ắc quy khô 12V 28Ah	16 01 12	Bình	1,0
18	8.88.10.001.000.01.D50	Máy tính xách tay	16 01 13	Cái	1,0
19	8.88.10.001.000.03.D50	Bộ máy vi tính	16 01 13	Bộ	1,0
20	8.88.10.001.000.Z4.D50	Màn hình máy vi tính	16 01 13	Cái	2,0
	II	**QD số 5724/QĐ-EVNCPC ngày 24/08/2024**			
	1	**Kho _I5Q_Thanh Lý**			
1	3.60.05.130.000.00.D50	Công tơ điện tử 1 pha có RF DT01P-RF 10-40A	16 01 13	Cái	627,0
2	3.60.05.134.000.00.D50	Công tơ điện tử 1 pha có RF DT01P60-RF 5-60A	16 01 13	Cái	2,0

3	3.60.05.129.000.00.D50	Công tơ điện tử 1 pha có RF DT01P80 5-80A	16 01 13	Cái	45,0
4	3.60.05.132.000.00.D50	Công tơ điện tử 1 pha có RF 20-80A	16 01 13	Cái	13,0
5	3.60.35.504.000.00.D50	Công tơ điện tử 3 pha DT03P05_RF 3x(57,5/100-240/415)V 3x5(6/10)A	16 01 13	Cái	2,0
6	3.60.52.022.000.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá DT03M05-RF 3x(57,5/100-240/415)V 3x5(6/10)A	16 01 13	Cái	2,0
7	3.60.52.017.000.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x(57,5/100-240/415)V 3x5(6/10)A	16 01 13	Cái	5,0
8	3.60.45.506.000.00.D50	Công tơ điện tử 3 pha có RF DT03P-RF 230/400V 3x10-100A	16 01 13	Cái	20,0
9	3.60.45.507.000.00.D50	Công tơ điện tử 3 pha có RF DTS27-RF 230/400V 3x10-100A	16 01 13	Cái	418,0
10	3.60.52.507.000.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x230/400V 3x10-100A	16 01 13	Cái	3,0
11	3.60.52.510.000.00.D50	Công tơ 3 pha 3 giá A1700 3x230/400V 3x40-100A	16 01 13	Cái	4,0
	III	**QĐ số 8590/QĐ -ĐLPC ngày 09/08/2024**			
	1	**Kho: DLA_I5Q_Thanh Lý**			
1	1.71.87.006.000.00.D50	Silicagen (Hạt hút ẩm)	18 02 01	Kg	31,0
2	3.61.03.002.VIE.00.D50	Bộ định tuyến dữ liệu Router	16 01 13	Cái	6,0
3	3.61.03.007.000.00.D50	Bộ tập trung DCU	16 01 13	Cái	38,0
4	3.61.05.003.000.00.D50	Module RS232 gắn công tơ	16 01 13	Cái	1,0
5	3.66.53.002.000.00.D50	Bóng đèn huỳnh quang 1,2m	16 01 06	Cái	22,0
6	3.66.70.001.000.00.D50	Bóng đèn Led hỏng các loại	16 01 13	Cái	32,0
7	5.17.11.002.000.00.D50	Máy phát điện 5 kVA	16 01 13	Cái	2,0
8	8.88.08.001.000.51.D50	Máy điều hòa nhiệt độ (R22)	19 02 03	Cái	3,0
9	3.42.74.031.000.00.D50	Tủ điều khiển máy cắt	16 01 13	Cái	3,0
	B	**TSCD có liên quan CTNH**			
	I	**QĐ số 6726/QĐ-EVNCPC ngày 09/10/2024**			
1	1.21305101.1655848	MBA 1 pha 25kVA No 4122125237245 (NSX 2004)	17 03 04	Cái	1
2	1.21305101.1825162	MBA 3 pha 50kVA No 71052098-1 (NSX 1997)	17 03 04	Cái	1
3	1.21305101.1654815	MBA 1 pha 50kVA No 1406-286 (NSX 2014)	17 03 04	Cái	1
4	1.21305101.1654810	MBA 1 pha 50kVA No 20251227-32 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
5	1.21305101.1654807	MBA 1 pha 37,5kVA No 1F950409 (NSX 2009)	17 03 04	Cái	1
6	1.21305101.1657177	MBA 1 pha 31,5kVA No 203311174-32 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
7	1.21305101.1655823	MBA 1 pha 25kVA No 30921328-32 (NSX 2013)	17 03 04	Cái	1

8	1.21305101.1654349	MBA 3 pha 50kVA No 03530409 (NSX 2009)	17 03 04	Cái	1
9	1.21305101.1654348	MBA 3 pha 75kVA No 201720064-2 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
10	1.21305101.1654158	MBA 3 pha 50kVA No 5012205009025 (NSX 2005)	17 03 04	Cái	1
11	1.21305101.1657178	MBA 3 pha 50kVA No 07150709 (NSX 2009)	17 03 04	Cái	1
12	1.21305101.1653271	MBA 3 pha 50kVA No 07410709 (NSX 2009)	17 03 04	Cái	1
13	1.21305101.1657179	MBA 3 pha 50 kVA No 70552033-2 (NSX 1997)	17 03 04	Cái	1
14	1.21305101.1656438	MBA 3 pha 50kVA No 07470908 (NSX 2008)	17 03 04	Cái	1
15	1.21305101.1654159	MBA 3 pha 50kVA No 31052167-1 (NSX 2003)	17 03 04	Cái	1
16	1.21305101.1654160	MBA 3 pha 50kVA No 61052094-2 (NSX 2013)	17 03 04	Cái	1
17	1.21305101.1657181	MBA 3 pha 250kVA No 14032 (NSX 2014)	17 03 04	Cái	1
18	1.21305101.1656437	MBA 3 pha 100kVA No 07508 (NSX 2007)	17 03 04	Cái	1
19	1.21305101.1653947	MBA 3 pha 160kVA No 20116016-2 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
20	1.21305101.1654166	MBA 3 pha 75kVA No 11150 (NSX 2011)	17 03 04	Cái	1
21	1.21305101.1825163	MBA 3 pha 160kVA No 91098312 (NSX 1996)	17 03 04	Cái	1
22	1.21305101.1825164	MBA 3 pha 30KVA No 30732035-2 (NSX 2003)	17 03 04	Cái	1
23	1.21305101.1825165	MBA 1 pha 10kVA No 20110016-32 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
24	1.21305101.1825166	MBA 3 pha 100KVA No 31113247-2 (NSX 2003)	17 03 04	Cái	1
25	1.21305101.1825167	MBA 3 pha 560KVA No DC1409563552-2 (NSX 2014)	17 03 04	Cái	1
26	1.21305101.1825168	MBA 3 pha 400kVA No 16590910 (NSX 2012)	17 03 04	Cái	1
27	1.21305101.0008864	MBA 1 pha 50kVA No.1F220608 (NSX 2013)	17 03 04	Cái	1
28	1.21305101.1825169	MBA 3 pha 250KVA No 5071225499367 (NSX 2005)	17 03 04	Cái	1
29	1.21305101.1825170	MBA 1 pha 37,5kVA No 1F1140409 (NSX 2009)	17 03 04	Cái	1
30	1.21305101.1825171	MBA 1 pha 37,5kVA No 1F1120409 (NSX 2009)	17 03 04	Cái	1
31	1.21305101.1658230	MBA 1 pha 40kVA No 20141012-32 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
32	1.21305101.1658231	MBA 1 pha 40KVA 20141031-32 (NSX 2002)	17 03 04	Cái	1
33	1.21305101.1825173	MBA 1 pha 50KVA No 403215029403 (NSX 2004)	17 03 04	Cái	1
34	1.21305101.1825174	MBA 1 pha 50kVA No 144904K-01 (NSX 2014)	17 03 04	Cái	1